

**Câu 1 (trang 115 sgk Tiếng Việt 5 tập 1)**

Đọc đoạn văn sau và thực hiện các nhiệm vụ nêu ở bên dưới.

Thành phần môi trường là các yếu tố tạo thành môi trường: không khí, nước, đất, âm thanh, ánh sáng, lòng đất, núi, rừng, sông, hồ, biển, sinh vật, các hệ sinh thái, các khu dân cư, khu sản xuất, khu bảo tồn thiên nhiên, cảnh quan thiên nhiên, danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử và các hình thái vật chất khác.

a) Phân biệt nghĩa của các cụm từ: khu dân cư, khu sản xuất, khu bảo tồn thiên nhiên.

b) Mỗi từ ở cột A dưới đây ứng với nghĩa nào ở cột B?

A	B
Sinh vật	quan hệ giữa sinh vật (kể cả người) với môi trường xung quanh.
Sinh thái	tên gọi chung các vật sống, bao gồm động vật, thực vật và vi sinh vật, có sinh ra, lớn lên và chết.
Hình thái	hình thức biểu hiện ra bên ngoài của sự vật, có thể quan sát được.

**Trả lời:**

a) Phân biệt nghĩa của các cụm từ:

- Khu dân cư: khu vực dành cho nhân dân ăn, ở, sinh hoạt.
- Khu sản xuất: khu vực làm việc của nhà máy, xí nghiệp.

- Khu bảo tồn thiên nhiên: khu vực trong đó có các loài cây, con vật và cảnh quan thiên nhiên được bảo vệ, giữ gìn lâu dài.

b) Nối mỗi từ ở cột A với nghĩa thích hợp ở cột B:

- Sinh vật: Tên gọi chung các vật sống, bao gồm động vật, thực vật và vi sinh vật, có sinh ra, lớn lên và chết đi.

- Sinh thái: Quan hệ giữa sinh vật (kể cả người) với môi trường xung quanh.

- Hình thái: Hình thức biểu hiện ra bên ngoài của sự vật, có thể quan sát được.

### **Câu 2 (trang 116 sgk Tiếng Việt 5 tập 1)**

Ghép tiếng **bảo** (có nghĩa "giữ, chịu trách nhiệm") với mỗi tiếng sau để tạo thành từ phức và tìm hiểu nghĩa của mỗi từ đó (có thể sử dụng Từ điển tiếng Việt):

đảm, hiểm, quản, tàng, toàn, tồn, trợ, vệ

#### **Phương pháp giải:**

Em ghép tiếng **quản** với các tiếng đã cho và tìm hiểu nghĩa của những từ đó trong Từ điển tiếng Việt.

#### **Trả lời:**

1) bảo đảm: Cam đoan chịu trách nhiệm về một việc gì đó.

2) bảo hiểm: Giữ, phòng để khỏi xảy ra tai nạn nguy hiểm.

3) bảo quản: Giữ gìn, trông nom để khỏi hư hỏng, hao hụt.

4) bảo tàng: Sưu tầm, lưu giữ, bảo quản những hiện vật có giá trị lịch sử, văn hóa, văn minh.

5) bảo toàn: Giữ nguyên vẹn như vốn có, không để mất mát, hư hỏng trong quá trình vận hành.

6) bảo tồn: Giữ nguyên hiện trạng, không để mất đi.

7) bảo trợ: Trợ giúp, đỡ đầu.

8) bảo vệ: Giữ gìn chống sự xâm phạm để khỏi bị hư hỏng, mất mát.

### **Câu 3 (trang 116 sgk Tiếng Việt 5 tập 1)**

Thay từ **bảo vệ** trong câu sau bằng một từ đồng nghĩa với nó:

Chúng em bảo vệ môi trường sạch đẹp.

**Trả lời:**

Chúng em giữ gìn môi trường sạch đẹp.